

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2011 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng	Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Quang Phúc	Phó chủ tịch
3. Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên
4. Ông Trần Khắc Nguyên	Thành viên
5. Ông Chu Nguyên Bình	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 09/06/2011
6. Ông Bùi Đình Quý	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 09/06/2011
7. Ông Nguyễn Hồng Minh	Thành viên - Miễn nhiệm ngày 09/06/2011

Ban Giám đốc

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng	Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 10/06/2011
2. Ông Nguyễn Quang Phúc	Tổng Giám đốc - Miễn nhiệm ngày 10/06/2011

Ban Kiểm soát

1. Ông Nguyễn Trung Dũng	Trưởng ban
2. Ông Đỗ Thành Đĩnh	Thành viên
3. Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên

Trưởng phòng kế toán

1. Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Trưởng phòng kế toán - Bổ nhiệm ngày 01/12/2009
2. Ông Hoàng Duy Anh	Kế toán trưởng - Miễn nhiệm ngày 21/07/2011

CÁC SỰ KIỆN TRONG NĂM

Ban Giám đốc khẳng định rằng ngoài vấn đề đã nêu tại Thuyết minh số 30 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào khác có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo của Công ty được lập ngày 16/02/2012 trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 03, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý đến thuyết minh số 1.4 "Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của các Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An và Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam là Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán".


Trần Quý Phán
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0510/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2012


Phạm Gia Đạt
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0798KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

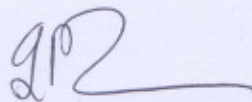
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		103.601.700.801	124.976.494.025
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	25.453.281.573	12.567.326.902
Tiền	111		23.947.305.462	11.567.326.902
Các khoản tương đương tiền	112		1.505.976.111	1.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	504.364.000	7.106.132.600
Đầu tư ngắn hạn	121		578.683.200	7.137.812.600
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(74.319.200)	(31.680.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.415.810.338	94.440.525.492
Phải thu khách hàng	131		32.863.666.540	38.911.217.733
Trả trước cho người bán	132		2.183.390.460	7.637.213.399
Các khoản phải thu khác	135	7	41.331.088.967	58.351.015.513
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(7.962.335.629)	(10.458.921.153)
Hàng tồn kho	140	8	255.945.756	154.042.591
Hàng tồn kho	141		255.945.756	154.042.591
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.972.299.134	10.708.466.440
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		888.538.202	783.902.484
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.509.770.423	5.341.349.874
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		300.587.590	305.379.391
Tài sản ngắn hạn khác	158		5.273.402.919	4.277.834.691
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		145.389.512.471	133.620.077.238
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		52.175.442.372	62.363.268.363
Tài sản cố định hữu hình	221	10	48.988.129.322	58.038.494.249
- Nguyên giá	222		80.242.185.833	94.907.855.948
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.254.056.511)	(36.869.361.699)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	-	1.137.461.064
- Nguyên giá	225		-	4.715.561.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(3.578.100.136)
Tài sản cố định vô hình	227	12	746.493.800	746.493.800
- Nguyên giá	228		746.493.800	746.493.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	2.440.819.250	2.440.819.250
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	91.718.671.867	69.479.841.925
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		89.218.671.867	65.479.841.925
Đầu tư dài hạn khác	258		2.500.000.000	4.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.495.398.232	1.776.966.950
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	812.608.232	997.176.950
Tài sản dài hạn khác	268		682.790.000	779.790.000
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		248.991.213.272	258.596.571.263

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		143.796.600.761	160.307.740.897
Nợ ngắn hạn	310		128.185.885.520	103.352.858.679
Vay và nợ ngắn hạn	311	16	36.384.891.225	11.717.778.776
Phải trả người bán	312		27.983.913.040	38.488.976.473
Người mua trả tiền trước	313		17.377.470.079	11.844.264.025
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	824.840.703	1.136.504.396
Phải trả người lao động	315		4.312.491.458	1.914.622.639
Chi phí phải trả	316	17	15.514.701.349	20.890.652.299
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	24.613.316.303	16.103.418.573
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.174.261.363	1.256.641.498
Nợ dài hạn	330		15.610.715.241	56.954.882.218
Phải trả dài hạn khác	333		226.000.000	244.650.000
Vay và nợ dài hạn	334	19	14.277.200.000	56.199.516.503
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.107.515.241	510.715.715
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		97.119.225.935	95.883.146.018
Vốn chủ sở hữu	410	20	97.119.225.935	95.883.146.018
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.555.140.000	135.555.140.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.918.259.474	30.056.477.155
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(1.200.000)	(1.200.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(22.539.671)	(2.248.405.049)
Quỹ đầu tư phát triển	417		2.587.998.449	2.365.477.900
Quỹ dự phòng tài chính	418		6.407.140.614	6.346.747.810
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(77.325.572.931)	(76.191.091.798)
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		8.075.386.576	2.405.684.348
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		248.991.213.272	258.596.571.263

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2012

Trưởng phòng kế toán



Nguyễn Thị Lan Anh



Tổng Giám đốc



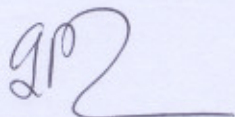
Nguyễn Quốc Dũng

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	31/12/2011	01/01/2011
Tài sản thuê ngoài			
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
Nợ khó đòi đã xử lý			
Ngoại tệ các loại	USD	109.974,84	175.842,30
Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2012

Trưởng phòng kế toán



Nguyễn Thị Lan Anh

Tổng Giám đốc



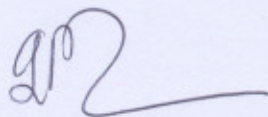
Nguyễn Quốc Dũng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	126.290.628.139	130.683.346.736
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	126.290.628.139	130.683.346.736
Giá vốn hàng bán	11	22	103.695.382.797	142.058.679.234
	20		22.595.245.342	(11.375.332.498)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	8.699.781.073	26.562.532.656
Chi phí tài chính	22	24	17.768.528.533	19.304.794.621
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.180.867.476	7.688.185.437
Chi phí bán hàng	24		1.560.060.437	1.478.048.969
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.869.896.111	26.296.137.958
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.903.458.666)	(31.891.781.390)
Thu nhập khác	31	25	13.274.281.849	155.994.985.600
Chi phí khác	32	26	9.959.495.700	167.109.849.136
Lợi nhuận khác	40		3.314.786.149	(11.114.863.536)
Lợi nhuận trong Công ty liên kết liên doanh	45		5.845.504.743	(529.438.695)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.256.832.226	(43.536.083.621)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		154.275.847	135.465.727
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.102.556.379	(43.671.549.348)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		994.224.184	147.794.793
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		108.332.195	(43.819.344.141)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	8	(3.233)

Trưởng phòng kế toán



Nguyễn Thị Lan Anh

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2012



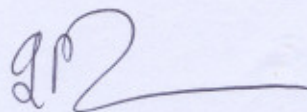
Tổng Giám đốc

Nguyễn Quốc Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		1.256.832.226	(43.536.083.621)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		6.006.948.008	8.114.632.221
Các khoản dự phòng	3		(2.730.557.360)	3.055.974.640
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		5.536.495.733	1.066.991.488
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(13.728.051.753)	(9.863.122.033)
Chi phí lãi vay	6		7.180.867.476	7.688.185.437
	8		<u>3.522.534.330</u>	<u>(33.473.421.868)</u>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động				
Tăng giảm các khoản phải thu	9		16.565.926.863	(28.163.886.952)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(105.350.165)	5.496.287.625
Tăng giảm các khoản phải trả	11		(10.477.856.461)	14.714.802.239
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.281.016)	16.522.330.298
Tiền lãi vay đã trả	13		(5.097.923.779)	(7.869.624.144)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(345.844.557)	(750.355.616)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		7.857.043.034	3.249.288.751
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(764.388.281)	(105.851.455)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<u>11.152.859.968</u>	<u>(30.380.431.122)</u>
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.232.899.999)	(12.960.228.061)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		16.199.659.869	141.399.014.142
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(6.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.500.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.274.902.646)	(10.417.500.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	10.261.096.400
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.519.586.044	5.395.534.006
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<u>19.711.443.268</u>	<u>127.177.916.487</u>
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5.505.500.217	26.158.613.250
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(20.380.078.905)	(119.991.346.061)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(3.321.485.591)	(2.240.285.509)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		<u>(18.196.064.279)</u>	<u>(96.073.018.320)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		<u>12.668.238.957</u>	<u>724.467.045</u>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		<u>12.567.326.902</u>	<u>12.034.776.719</u>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		217.715.714	(191.916.862)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	<u>25.453.281.573</u>	<u>12.567.326.902</u>

Trưởng phòng kế toán



Nguyễn Thị Lan Anh

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội, tên viết tắt là MARINA HA NOI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 056428 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715) ngày 19/11/1998, thay đổi lần thứ 13 vào ngày 01/08/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội có trụ sở tại: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Bưởi, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 135.555.140.000 đồng (trong đó Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam nắm giữ 5,15%, cổ đông trong và ngoài Công ty nắm giữ 94,85%).

Từ ngày 21/03/2005, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là MHC.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Đại lý hàng hải;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Bốc xếp hàng hóa và container;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Lai dắt tàu biển;
- Buôn bán, sản xuất tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Dịch vụ giao nhận kho vận tải hàng hóa;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

1.3 DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT

Đến ngày 31/12/2011 Công ty có các Công ty con như sau:

	Công ty	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2011 (%)	Trụ sở
1	Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức (*)	10.000.000.000	47,27%	Số 45, Triệu Việt Vương, TP Hà Nội
2	Công ty TNHH Hàng hải Hà Nội phía Nam	15.000.000.000	100%	62 Bis, Huỳnh Thúc Kháng, phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
3	Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	15.000.000.000	100%	Tầng 4, Tòa nhà Hải An, đường Đình Vũ, phường Đông Hải, TP Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1.3 DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT (TIẾP)

(*): Tại thời điểm 31/12/2011, Công ty cổ phần Hàng hải Hà Nội sở hữu 47,27% vốn điều lệ (Năm 2010 là 77,9%). Tuy nhiên, các nhà đầu tư khác thỏa thuận dành cho Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội hơn 50% quyền biểu quyết và kiểm soát nên có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức.

1.4 CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC PHẢN ÁNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Công ty	Tỷ lệ sở hữu của MHC (%)	Trụ sở
1	Công ty TNHH Hàng Hải Wallem (*)	51,00 %	Số 10 Đoàn Như Hải, Quận 4, TP Hồ Chí Minh.
2	Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An (*)	31,00 %	Tầng 1, Tòa nhà Hải An, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, TP Hải Phòng
3	Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà nội (**)	40,00%	Tầng 3, Tòa nhà Ocean Park, Số 01, Đào Duy Anh, TP Hà Nội

(*): Báo cáo tài chính của các Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu nêu trên là các Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán.

(**): Sự kiện thoái vốn tại Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà nội

Ngày 01/12/2011, các bên bao gồm: Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội, Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính An Thịnh (ATFC) và Ông Vũ Tiến Sơn đã tiến hành ký kết thỏa thuận thống nhất về việc Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội chuyển giao 60% tỷ lệ sở hữu và quyền kiểm soát của tại Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh Bất Động Sản Hà Nội cho ATFC và Ông Vũ Tiến Sơn. Theo đó, từ 01/12/2011 đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà nội trở thành Công ty liên kết với tỷ lệ sở hữu và quyền kiểm soát của MHC là 40%.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty được lập theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính này được lập dựa trên hợp nhất số liệu Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con; và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cùng Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty TNHH Quản lý và kinh doanh Bất động sản Hà Nội cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/11/2011.

Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian dưới 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4.4 LẬP DỰ PHÒNG

Công ty trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính và nợ phải thu khó đòi theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

4.5 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

4.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí phát sinh trong năm tài chính có liên quan đến nhiều kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẤU HAO

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	14-25
Máy móc thiết bị	05-10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn sở hữu; lợi nhuận thuần được chia từ Công ty liên kết, liên doanh phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc.

4.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

4.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc đầu tư tài sản cố định trong quá trình đầu tư được vốn hóa vào giá trị tài sản hoặc công trình khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Các khoản chi phí đi vay khác phát sinh được phản ánh vào kết quả kinh doanh.

4.11 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu của Công ty là doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư, Công ty ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4.12 NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 15/10/2009 (“Thông tư 201”) hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Trong năm 2011, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.
- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.
- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ phải trả dài hạn (trên 1 năm) nếu hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái làm cho kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau. Nhưng phải đảm bảo phần chênh lệch tỷ giá tính vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số ngoại tệ đến hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

Thông tư 201/2009/TT-BTC có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Cụ thể theo quy định tại Chuẩn mực này tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

4.13 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của năm hiện hành và số thuế hoãn lại (nếu có).

Số thuế của năm hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của năm hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng là 25%.

Thu nhập chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định thu nhập chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4.14 BẢO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo đơn vị kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội có các bộ phận quản lý theo đơn vị kinh doanh.

4.15 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	619.167.404	992.271.520
Tiền gửi ngân hàng	23.328.138.058	10.575.055.382
Các khoản tương đương tiền (*)	1.505.976.111	1.000.000.000
Cộng	25.453.281.573	12.567.326.902

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại Ngân hàng

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

		31/12/2011		01/01/2011
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		578.683.200		637.812.600
+ Cổ phiếu Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - sông Hồng	8.800	140.800.000	8.800	140.800.000
+ Cổ phiếu Tổng Công ty Bia rượu nước giải khát Sài Gòn	5.000	350.000.000	5.000	350.000.000
+ Cổ phiếu Công ty CP Giao nhận kho vận Ngoại thương (TMS)	3.012	87.883.200	5.052	147.012.600
Đầu tư ngắn hạn khác		-		6.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(74.319.200)		(31.680.000)
Cộng		504.364.000		7.106.132.600

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty Xây dựng Lũng Lô	31.407.307.919	31.407.307.919
Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá	-	10.317.940.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải	-	3.412.500.000
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	339.476.051	1.766.047.811
Công nợ khó đòi chờ xử lý	1.315.608.380	1.315.608.380
Hàng tồn thất chờ xử lý	826.930.916	826.930.916
Công ty TNHH Vận chuyển K'Line Việt Nam	102.038.304	-
Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	1.040.575.837	-
Phải thu của dịch vụ đại lý giao nhận	114.258.868	997.906.103
Chi phí thành lập công ty Wallem shipping	-	-
Phải thu khác	6.184.892.692	8.306.774.384
Cộng	41.331.088.967	58.351.015.513

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	255.945.756	154.042.591
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	255.945.756	154.042.591
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	255.945.756	154.042.591

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		89.218.671.867		65.479.841.925
- Công ty TNHH Hàng Hải Wallem (*)		1.720.535.105		1.737.249.241
- Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An (*)		69.143.513.572		63.635.510.684
- Công ty TNHH Vận chuyển "K" Line Việt Nam (***)		3.035.550.000		-
- Công ty TNHH Quản lý và KD Đầu tư BĐS Hà Nội (**)		15.319.073.190		-
- Công ty TNHH LD Bond Việt Nam (**)				107.082.000
Đầu tư dài hạn khác		2.500.000.000		4.000.000.000
- Đầu tư cổ phiếu		2.500.000.000		2.500.000.000
Công ty CP Hải Minh	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
- Đầu tư dài hạn khác		-		1.500.000.000
Công ty CP Quản lý và Khai thác Tòa nhà VNPT	-	-	150.000	1.500.000.000
Cộng		91.718.671.867		69.479.841.925

(*) Các công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

(**) Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội được hợp nhất kết quả Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho giai đoạn từ 01/12/2011 đến 31/12/2011.

(***): Là Công ty Liên doanh của Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI

Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2011	45.825.891.301	483.186.494	46.313.903.383	2.128.602.537	156.272.233	94.907.855.948
- Mua trong năm			847.272.727	32.899.999		880.172.726
- Tăng khác (*)	38.471.073.770	-	-	-	-	38.471.073.770
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(14.702.953.276)	-	-	(14.702.953.276)
- Giảm khác	(38.471.073.770)	(17.809.524)	(667.818.048)	(157.261.993)	-	(39.313.963.335)
31/12/2011	45.825.891.301	465.376.970	31.790.404.786	2.004.240.543	156.272.233	80.242.185.833
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
01/01/2011	4.323.378.672	483.186.494	30.090.007.664	1.816.516.636	156.272.233	36.869.361.699
- Khấu hao trong năm	2.564.191.080	-	3.238.184.219	204.572.709	-	6.006.948.008
- Tăng khác (*)	1.410.606.043					1.410.606.043
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(11.277.196.644)	-		(11.277.196.644)
- Giảm khác	(1.326.837.866)	(17.809.524)	(253.753.212)	(157.261.993)	-	(1.755.662.595)
31/12/2011	6.971.337.929	465.376.970	21.797.242.027	1.863.827.352	156.272.233	31.254.056.511
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2011	41.502.512.629	-	16.223.895.719	312.085.901	-	58.038.494.249
31/12/2011	38.854.553.372	-	9.993.162.759	140.413.191	-	48.988.129.322

(*) : Là khoản điều chuyển với tòa nhà điều hành Bãi container Hải An tại Phường Đồng Hải, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng tại Công ty TNHH Quản lý và kinh doanh Bất Động Sản Hà Nội theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 39/CPHH tại ngày 01/09/2011 (trước ngày thỏa thuận chuyển giao tỷ lệ sở hữu và quyền kiểm soát).

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011 là:

16.441.328.910 đồng.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2011 là:

41.641.073.770 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Là các vỏ Containers 40 và 20 feet đã được thanh lý trong năm 2011.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất dự án khu dân cư An Thới – BMT địa chỉ tại phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, thời hạn sử dụng lâu dài nên không trích khấu hao cho tài sản cố định vô hình này.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tổng số chi phí XDCB dở dang	2.440.819.250	2.440.819.250
Trong đó: Những công trình lớn:		
+ Khảo sát Dự án Cảng Phù Đồng	500.000.000	500.000.000
+ Thiết kế đóng tàu mới	1.940.819.250	1.940.819.250

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí thuê sân Golf	516.993.400	540.891.400
Chi phí gia công nắp hầm sà lan	108.129.717	-
Chi phí trang trí nội thất văn phòng	67.356.531	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	120.128.584	456.285.550
Cộng	812.608.232	997.176.950

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	199.139.121	60.523.093
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	96.075.665	436.188.430
Thuế Thu nhập cá nhân	318.377.414	159.945.118
Các loại thuế khác	14.501.589	479.847.755
Các khoản phải nộp khác	196.746.914	-
Cộng	824.840.703	1.136.504.396

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	100.000.000	2.349.859.227
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	36.284.891.225	9.367.919.549
Cộng	36.384.891.225	11.717.778.776

Trong đó:

(*) Chi tiết khoản nợ dài hạn đến hạn trả và vay dài hạn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI

Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (TIẾP)*Vay dài hạn đến hạn trả và Vay dài hạn*

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay USD	Số dư nợ gốc 31/12/2011 USD	Số dư nợ gốc phải trả năm tới USD	Phương thức đảm bảo khoản vay
01/2008/HĐTD/M B-MHC	Ngân hàng TMCP Quân đội	7,3%/ năm	48 tháng	3.521.000.00	1.309.053.13	1.309.053.13	Tài sản thế chấp
Cộng				3.521.000.00	1.309.053.13	1.309.053.13	

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay VND	Số dư nợ gốc tại 31/12/2011 VND	Số dư nợ gốc phải trả năm tới VND	Phương thức đảm bảo khoản vay
1200-LAV- 200900722	Sở giao dịch NHNo và PT Nông Thôn	Lãi suất thả nổi	60 tháng	9.619.450.000	1.607.132.633	1.607.132.633	Tài sản thế chấp
1401-LAV- 201100525 (*)	NHNo&PTNT Chi nhánh Bách Khoa - Phòng giao dịch Kim Liên	Lãi suất thả nổi	27 tháng	21.000.000.000	21.000.000.000	7.000.000.000	Tài sản thế chấp
11.2009/HĐTD/T H-PN/TCB HP-	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng	Lãi suất thả nổi	48 tháng	770.000.000	370.000.000	192.000.000	Thế chấp tài sản
98.10.251.641356. TD.DN	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội chi nhánh Hải Phòng (MB)	Lãi suất thả nổi	36 tháng	350.000.000	163.800.000	117.600.000	Thế chấp tài sản
131.10.251.641356 .TD.DN	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội chi nhánh Hải Phòng (MB)	Lãi suất thả nổi	36 tháng	311.000.000	156.200.000	103.200.000	Thế chấp tài sản
Cộng				32.050.450.000	23.297.132.633	9.019.932.633	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí bảo hiểm tàu	-	475.655.263
Chi phí lãi vay	7.737.813.396	5.916.177.789
Chi phí vật tư tàu	235.231.080	486.165.509
Phí cảng và phí quản lý	5.021.013.947	5.973.387.031
Chi phí sửa chữa tàu	-	5.434.629.576
Chi phí môi giới	-	22.890.089
Chi phí vận chuyển, sửa chữa, kiểm đếm	993.104.364	1.529.480.578
Chi phí phải trả khác	1.527.538.562	1.052.266.464
Cộng	15.514.701.349	20.890.652.299

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	58.356.701	18.902.180
Bảo hiểm xã hội	15.699.200	265.272.418
Bảo hiểm y tế	23.121.879	73.660.131
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	42.989.392	51.848.232
Phải trả của dịch vụ đại lý giao nhận vận tải	9.960.887.423	12.417.260.771
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	750.530.000
Công nợ khó đòi chờ xử lý	1.330.893.473	-
Bà Ngô Thị Loan	-	750.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.181.368.235	1.775.944.841
Cộng	24.613.316.303	16.103.418.573

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn (*)	14.277.200.000	55.780.976.934
- Vay ngân hàng	14.277.200.000	55.780.976.934
Nợ dài hạn	-	418.539.569
- Thuê tài chính	-	418.539.569
Cộng	14.277.200.000	56.199.516.503

(*): Xem thuyết minh số 16

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	135.555.140.000	135.555.140.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	135.555.140.000	135.555.140.000

20.2 CỔ PHIẾU

	31/12/2011	01/01/2011
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	13.555.634	13.555.634
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.555.514	13.555.514
+ Cổ phiếu thường	13.555.514	13.555.514
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	120	120
+ Cổ phiếu thường	120	120
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.555.394	13.555.394
+ Cổ phiếu thường	13.555.394	13.555.394
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2010	135.555.140.000	24.001.910.000	(1.200.000)	(3.289.472.741)	2.365.477.900	6.346.747.810	(32.422.542.778)	132.556.060.191
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	49.557.693	49.557.693
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	381.579.246	381.579.246
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	1.053.738.311	-	-	-	1.053.738.311
- Lỗi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(43.819.344.141)	(43.819.344.141)
- Điều chỉnh do hợp nhất	-	6.054.567.155	-	(12.670.619)	-	-	(380.341.818)	5.661.554.718
31/12/2010	135.555.140.000	30.056.477.155	(1.200.000)	(2.248.405.049)	2.365.477.900	6.346.747.810	(76.191.091.798)	95.883.146.018
01/01/2011	135.555.140.000	30.056.477.155	(1.200.000)	(2.248.405.049)	2.365.477.900	6.346.747.810	(76.191.091.798)	95.883.146.018
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	108.332.195	108.332.195
- Điều chỉnh do hợp nhất	-	(138.217.681)	-	(195.355.454)	(248.248.571)	(67.375.473)	(1.242.813.328)	(1.892.010.507)
- Tăng khác	-	-	-	2.421.220.832	470.769.120	127.768.277	-	3.019.758.229
31/12/2011	135.555.140.000	29.918.259.474	(1.200.000)	(22.539.671)	2.587.998.449	6.407.140.614	(77.325.572.931)	97.119.225.935

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	126.290.628.139	130.683.346.736
Trong đó:		
+ Doanh thu vận tải	110.049.883.340	95.763.034.045
+ Doanh thu cung ứng dịch vụ hàng hải	4.633.757.868	5.573.554.644
+ Doanh thu bán tàu		4.000.000.000
+ Doanh thu lưu kho bãi	372.829.092	1.696.677.364
+ Doanh thu hoạt động quản lý	9.019.069.372	5.217.080.891
+ Doanh thu dịch vụ khác	2.215.088.467	18.432.999.792

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn vận tải	90.534.803.498	97.679.283.928
Giá vốn cung ứng dịch vụ hàng hải	3.795.567.629	-
Giá vốn lưu kho bãi	298.263.282	1.539.815.760
Giá vốn hoạt động quản lý	5.997.720.792	3.248.098.870
Giá vốn dịch vụ khác	3.069.027.596	39.591.480.676
Cộng	103.695.382.797	142.058.679.234

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.418.190.401	411.259.163
Lãi do chuyển nhượng vốn góp đầu tư	593.615.437	20.680.652.048
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.300.000.000	3.600.000.000
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	403.126.100	210.475.795
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.716.537.452	1.627.742.326
Doanh thu hoạt động tài chính khác	268.311.683	32.403.324
Cộng	8.699.781.073	26.562.532.656

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay	7.180.867.476	7.688.185.437
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	56.500.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.992.792.644	6.001.689.281
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.536.495.733	1.064.043.385
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	43.372.680	31.680.000
Chi phí tài chính khác	15.000.000	4.462.696.518
Cộng	17.768.528.533	19.304.794.621

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Nhượng bán tài sản cố định	12.458.318.181	145.858.380.526
Thu nhập do khách hàng xóa nợ	522.811.616	-
Chênh lệch góp vốn bằng tài sản	-	10.053.655.430
Thu nhập khác	293.152.052	82.949.644
Cộng	13.274.281.849	155.994.985.600

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nhượng bán tài sản	3.986.995.523	167.084.325.134
Chi phí tàu Ocean Asia và Achiever	5.724.134.271	-
Chi phí khác	248.365.906	25.524.002
Cộng	9.959.495.700	167.109.849.136

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	108.332.195	(43.819.344.141)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	108.332.195	(43.819.344.141)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	13.555.394	13.555.394
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8	(3.233)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI

Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Chỉ tiêu	Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội	Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	Công ty TNHH Quản lý và KD Đầu tư BĐS Hà Nội	Công ty TNHH Hàng hải Hà Nội Phía Nam	Công ty TNHH Vận tải và DV Hàng hải Hải Phòng	Loại trừ	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.399.048.900	25.226.402.146	8.594.491.402	45.135.770.581	45.934.915.110	-	126.290.628.139
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	9.284.756.738	620.455	579.715.619	104.455.999	77.897.325	(10.047.446.136)	-
3. Khấu hao và chi phí phân bổ	1.556.039.125	296.804.589	1.180.460.047	912.843.564	2.119.963.258		6.066.110.583
- Chi phí khấu hao	1.664.764.658	296.804.589	1.109.663.481	912.843.564	2.022.871.716		6.006.948.008
- Chi phí trả trước dài hạn phân bổ	(108.725.533)	-	70.796.566	-	97.091.542		59.162.575
4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(8.677.154.862)	2.546.234.452	(2.117.727.284)	(1.771.545.991)	2.116.735.019	-	(7.903.458.666)
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua Tài sản cố định	-	880.172.726	-	-	-		880.172.726
6. Tài sản bộ phận	185.990.913.058	28.809.823.761	-	15.231.831.296	18.958.645.157		248.991.213.272
7. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	-	-	-	-	-		248.991.213.272
8. Nợ phải trả bộ phận	112.123.382.248	18.277.043.983	-	3.747.935.733	9.648.238.797	-	143.796.600.761
9. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-		143.796.600.761

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN

29.1 GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Vay vốn	-	1.321.320.666
- Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	-	1.321.320.666
Trả vốn vay	-	7.821.320.666
- Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	-	7.821.320.666

29.2 SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu khác	-	663.629.654
Công ty TNHH Quản lý và KD ĐT Bất động sản Hà Nội	-	663.629.654
Phải trả người bán	16.129.625.266	2.343.970.086
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	-	12.385.015
Công ty TNHH Quản lý và KD ĐT Bất động sản Hà Nội	14.731.681.771	-
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	1.397.943.495	2.331.585.071

30. THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch chứng khoán

Ngày 07/04/2011, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hàng Hải Hà Nội (MHC) bị tạm ngừng giao dịch do lỗi 2 năm liên tiếp. Tuy nhiên đến ngày 22/04/2011, Tổng Giám đốc Sàn Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh đã ký quyết định đưa cổ phiếu của Công ty ra khỏi diện tạm ngừng giao dịch và cho phép cổ phiếu MHC được giao dịch trở lại theo diện chứng khoán bị kiểm soát.

Cam kết về việc bán tài sản có giá trị lớn chưa thực hiện

Theo Quyết định số 638/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ngày 09/05/2011 Về việc phê duyệt giá trị còn lại của tài sản đã đầu tư trên đất dự án Bến số 2 - Cảng tổng hợp Dung Quất, tổng diện tích đất bị thu hồi là 95.727 m², tổng giá trị còn lại của tài sản đã đầu tư trên đất là 54.069.279.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tư tỷ, không trăm sáu mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn./.*).

Công ty đã thực hiện ký hợp đồng kinh tế số 08/2011-HĐKT /MHC-DQS ngày 28/11/2011 với Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất về việc chuyển trả chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà nội đối với dự án Bến số 2 - Cảng tổng hợp Dung Quất tại Bình Thuận - Bình Sơn - Quảng Ngãi với giá trị cả thuế VAT là 56.755.673.750 đồng (*Bằng chữ : Năm mươi sáu tỷ, bảy trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng./.*).

Đến 31/12/2011 Cty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất đã tạm ứng cho Công ty Cổ phần Hàng Hải Việt Nam 10% giá trị hợp đồng với số tiền 5.675.567.375 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

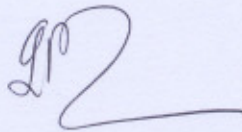
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2012

Trưởng phòng kế toán



Nguyễn Thị Lan Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Dũng